

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2021**

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

- Tên quỹ:	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt Viết tắt: BVFED
- Loại hình quỹ:	Quỹ mở
- Mục tiêu đầu tư:	Tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở kết hợp giữa tăng trưởng vốn đầu tư và các dòng thu nhập từ tài sản đầu tư
- Thời gian hoạt động:	Không giới hạn
- Benchmark:	Chỉ số VN30 (chỉ số tham chiếu để đánh giá nội bộ từ 29/10/2014)
- Chính sách phân chia lợi nhuận:	Lợi nhuận có thể được phân chia dưới hình thức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư).
- Số lượng đơn vị quỹ:	6.012.832,07 (thời điểm 31/12/2021)
- Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Cập nhật theo quy định tại Thông tư 98
- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Đại hội Nhà đầu tư thường niên và bất thường năm 2021: - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.

	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020. - Phê duyệt Ngân sách hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ năm 2021. - Thông qua danh sách Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ 2021-2026. - Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán và lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVFED năm 2021. - Thông qua sửa đổi một số nội dung tại Điều lệ Quỹ.
- Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại TT hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

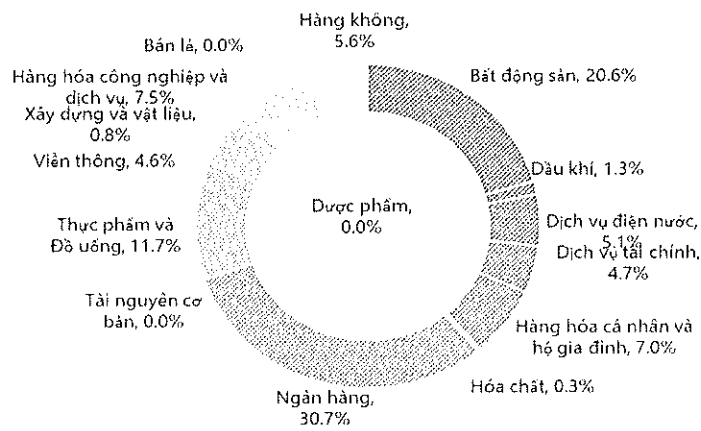
- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (*tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư*):

❖ Theo tài sản:

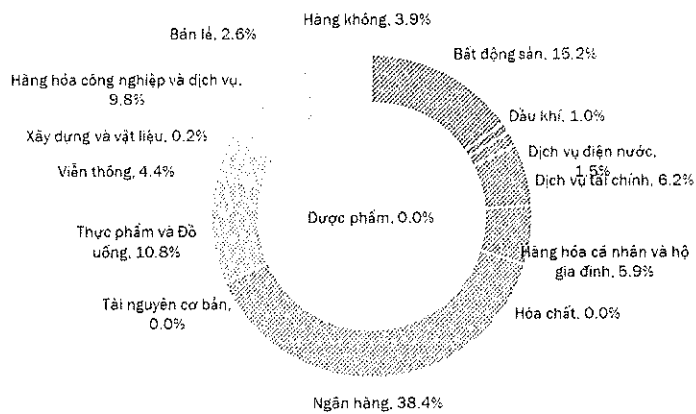
Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)	31/12/2019 (%)
Cổ phiếu	92,06	73,39	89,27
Chứng khoán khác	0	0	0,00
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn	7,77	26,28	10,62
Tài sản khác	0,17	0,33	0,12
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

❖ Theo ngành (tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư):

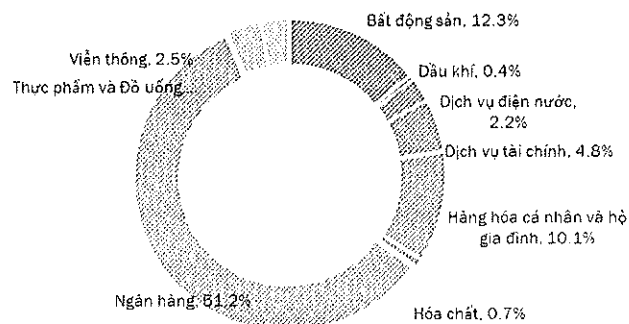
Tại 31/12/2019



Tại 31/12/2020



Tại 31/12/2021



- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)	31/12/2019 (VNĐ)
GTTSR	140.294.590.547	93.979.440.104	85.000.515.694

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

	31/12/2021 (VNĐ/CCQ)	31/12/2020 (VNĐ/CCQ)	31/12/2019 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ	23.332	16.453	14.405

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	31/12/2021 (CCQ)	31/12/2020 (CCQ)	31/12/2019 (CCQ)
Số CCQ	6.012.832,07	5.711.993,88	5.900.384,84

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp trong năm:

	Năm 2021 (VNĐ/CCQ)	Năm 2020 (VNĐ/CCQ)	Năm 2019 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ cao nhất	23.893	16.453	15.372
GTTSR/CCQ thấp nhất	16.308	10.238	14.132

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)	Năm 2019 (VNĐ)
Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (<i>giá trị lãi vốn</i>)	23.116.927.363	11.919.332.268	(1.306.592.535)
Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (<i>cổ tức, tiền gửi...</i>)	1.280.453.011	1.344.749.564	1.183.555.500
Chênh lệch mua bán chứng khoán	17.679.093.147	(365.262.148)	2.956.564.985
Thu nhập khác	-	0	-
Tổng chi phí	1.981.513.008	1.373.039.873	1.559.412.435
Tổng lợi nhuận	40.094.960.513	11.525.779.811	1.390.662.745

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (*giá trị thuần và giá trị góp*) trong kỳ báo cáo: không có. Năm 2018 lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ là 1.100 VNĐ trên một chứng chỉ quỹ (Tổng lợi nhuận đã phân phối: 7.736.769.271 VNĐ)
- Thời điểm phân chia lợi nhuận trong kỳ báo cáo: không có. Thời điểm phân chia lợi nhuận trong 03 năm gần nhất như sau:

Thời gian chốt danh sách thực hiện	16/04/2018
Thời gian thực hiện	15/05/2018

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận trong 03 năm gần nhất:

GTTSR tại kỳ định giá ngày 12/04/2018 (<i>trước khi ghi nhận giá trị lợi nhuận được phân chia</i>)	18.971 VNĐ/CCQ
GTTSR tại kỳ định giá ngày 19/04/2018 (<i>sau khi ghi nhận giá trị lợi nhuận được phân chia</i>)	17.932 VNĐ/CCQ

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Tỷ lệ chi phí cuối quý II năm 2021	0,75%
Tỷ lệ chi phí cuối quý IV năm 2021	1,63%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2021	73,83
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV năm 2021	57,90

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/ reverse repo: không có

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

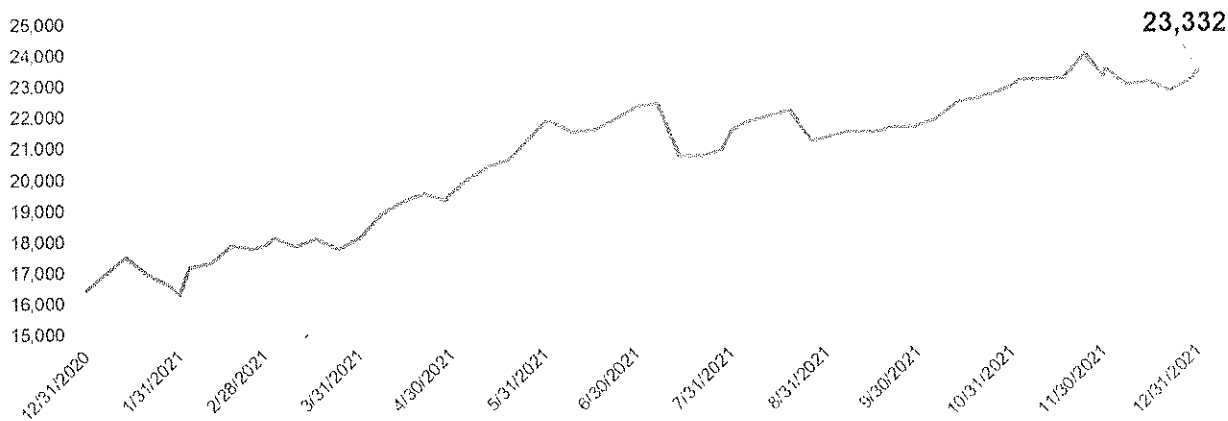
Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng (*1 năm*), tính tới ngày lập báo cáo (*hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm*): 40.094.960.513VNĐ.

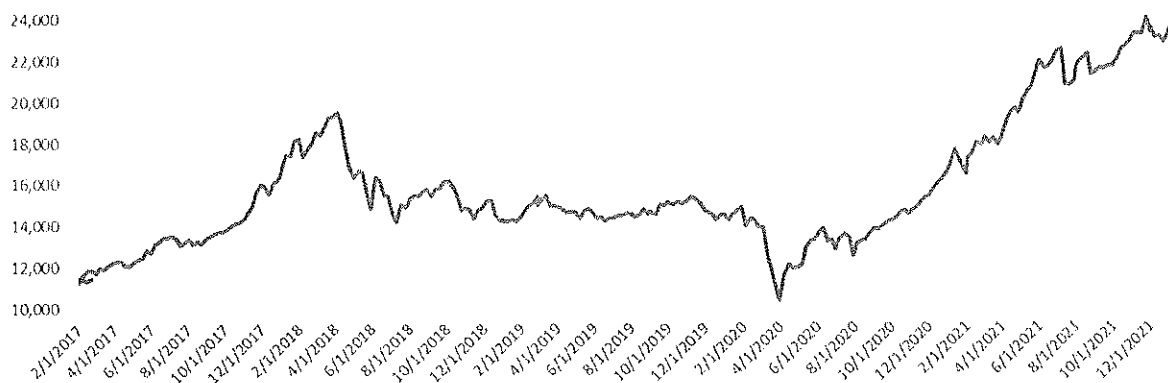
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): 17.670.467.690VND.
 - Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): 12.043.190.502VND.
- c. Các chỉ tiêu so sánh khác:
- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Trụ sở chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021.
 - Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.
- d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.
- b. Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong năm 2021, quỹ ghi nhận mức tăng trưởng 42,90%, bám sát tăng trưởng của benchmark – chỉ số VN30 là 43,4%.
- c. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):



e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:

Chiến lược đầu tư Core & Satellite

Mô tả

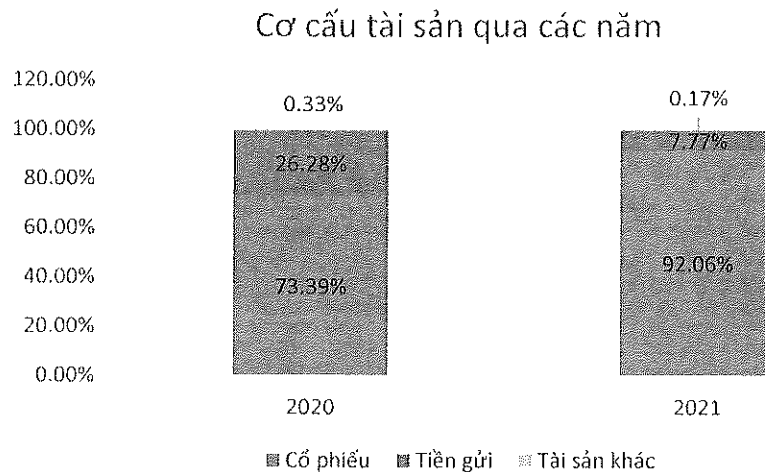
Danh mục đầu tư cổ phiếu được chia thành 02 phần:

- Phần cơ sở: Rổ Cổ phiếu VN30 (trừ cổ phiếu của người có liên quan tới Công ty Quản lý Quỹ theo quy định); chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Phần gia tăng: Các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, được lựa chọn trên cơ sở phân tích, đánh giá những yếu tố cơ bản của doanh nghiệp, thuộc các nhóm như cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng bền vững, cổ phiếu có khả năng tăng trưởng vượt trội theo từng chu kỳ phát triển của nền kinh tế, cổ phiếu có

thị giá hấp dẫn so với giá trị định giá của Công ty Quản lý quỹ, có khả năng chi trả cổ tức tốt... Các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Các cổ phiếu thuộc Phần gia tăng phải đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty Quản lý quỹ về tính thanh khoản.

Căn cứ điều kiện thị trường, Công ty Quản lý Quỹ sẽ xác định tỷ trọng giữa phần cơ sở và phần gia tăng theo hướng đảm bảo hiệu quả đầu tư và giới hạn rủi ro ở mức cho phép. Cơ cấu của phần Satellite không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

- f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo:



- g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (*sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có*): không có
- h. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô:

- Tăng trưởng GDP năm 2021 chỉ đạt 2,58% và là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây do tác nhân chính là dịch Covid-19 tại Việt Nam với đỉnh điểm là việc giãn cách xã hội trong Quý III/2021 tại các trung tâm kinh tế – xã hội lớn trên toàn quốc.
- Bình quân cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với cùng kỳ năm trước, mức thấp nhất kể từ năm 2016.

Thị trường tiền tệ

- Lãi suất VNIBOR về cơ bản diễn biến theo xu hướng đi ngang ở mặt bằng thấp trong năm 2021 trừ một số ít phiên tăng đột biến ở thời điểm cuối tháng/quý do biến động thanh khoản tạm thời. Nhìn chung, thanh khoản của hệ thống NHTM ở trạng thái dồi dào do tăng trưởng tín dụng ở mức thấp trước khi có sự chuyển biến trong Quý IV/2021, ngoài ra việc mua ngoại tệ với giá trị lớn của SBV qua đó cung ứng một lượng lớn VND cho hệ thống NHTM.
- Tương tự diễn biến lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất huy động cũng ở mặt bằng thấp xuyên suốt trong năm 2021, kể cả trong Quý IV/2021 khi tăng trưởng tín dụng đã tăng tốc. Theo thống kê, mặt bằng lãi suất huy động trong năm 2021 nằm ở mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Thị trường trái phiếu

- Thị trường sơ cấp: lãi suất trúng thầu TPCP các kỳ hạn có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2021. Nhìn chung, lãi suất trúng thầu trong năm 2021 nằm trong vùng lãi suất thấp nhất trong lịch sử. Trong năm 2021, KBNN đã phát hành được khoảng 318.000 tỷ đồng TPCP, giảm 1,8% so với kết quả thực hiện năm 2020 và chỉ bằng 85,3% kế hoạch phát hành cả năm (kế hoạch đã điều chỉnh).
- Thị trường thứ cấp: lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp chỉ vận động trong biên độ hẹp trong năm 2021, đặc biệt là các TPCP có kỳ hạn dài (≥ 7 năm). So với mặt bằng lãi suất năm 2020, lãi suất giao dịch các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm hiện tại thấp hơn từ 26 - 50 điểm, trong khi lãi suất các kỳ hạn từ 1-3 năm cao hơn từ 25-30 điểm. Đường cong lợi suất TPCP có xu hướng bớt dốc hơn so với năm 2020 (lãi suất kỳ hạn dài giảm nhẹ, lãi suất kỳ hạn ngắn tăng nhẹ so với mặt bằng năm 2020).
- Thị trường TPDN: quy mô phát hành TPDN đạt 553 nghìn tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2020. Trong đó, nhóm Ngân hàng và BDS vẫn dẫn đầu với tỷ lệ là 37% và 36%. Chênh lệch lãi suất giữa trái phiếu do NHTM phát hành và nhóm doanh nghiệp khác ngày càng lớn. Kỳ hạn phát hành trái phiếu cũng đa dạng hơn. Trong khi đối với NHTM, kỳ hạn trung bình trên 5 năm thì với nhóm DN khác, kỳ hạn trung bình tăng lên đáng kể do nhiều TP phát hành có kỳ hạn lên tới 10 – 15 năm.

Thị trường cổ phiếu:

- Chỉ số VNI kết thúc năm 2021 ở mức 1.498.28 điểm, tương đương với mức tăng 35,73% trong năm 2021. Điểm đặc biệt là thanh khoản của TTCP liên tục đạt mức kỷ lục mới theo thời gian do sự tham gia mạnh mẽ của NĐT cá nhân trong nước.

- Theo thống kê sơ bộ, giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân một phiên trong năm 2021 tính trên cả 03 sàn giao dịch là 24.173 tỷ đồng, tăng 04 lần so với năm 2020.

Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với loại tài sản là cổ phiếu:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Cổ tức được chia	1.280.453.011
2	Lãi bán các khoản đầu tư	17.679.093.147
3	Chênh lệch tăng/giảm đối với các khoản đầu tư chưa thực hiện	23.116.927.363
4	Thu nhập khác	0
5	Chi phí giao dịch mua/bán cổ phiếu	244.146.525

- i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (*nếu có*): không có.
- j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có.
- k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (*nếu có*): không có.
- l. Các thông tin khác (*nếu có*): không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (*nếu có*): không có
- b. Việc lưu ký tài sản của quỹ: đáp ứng các yêu cầu.
- c. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch:

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng Giám sát nhận thấy do biến động giá thị trường, tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ trong nhiều kỳ định giá bị vượt quá hạn mức tối đa 40% quy định tại khoản 2.e, Điều 11 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.e, Điều 35 của Thông tư 98/2020/TT-BTC: “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ”. Ngân hàng giám sát đã kiến nghị trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện vi phạm, và Công ty Quản lý Quỹ đã có những biện pháp điều chỉnh cơ cấu

danh mục đầu tư của Quỹ ngay sau đó để đáp ứng các quy định về hạn chế đầu tư của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.

- d. Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch.
- Chi tiết về việc phát hành CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2020	5.711.993,88 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	542.437,75 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	241.599,56 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2021	6.012.832,07 CCQ

- f. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	Số tiền hoặc tỷ lệ
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	0,82%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập	0,78%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	16,50%

- b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có.
- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ.

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	Số tiền
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	327.003.392
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	133.100.000
Chi phí trả cho NH LKGS	193.903.992

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt nam (VSD). Dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ được ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (JSI). Theo đánh giá của BVF, VSD, BVSC, JSC và Fincorp đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ BVFED được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong năm 2021 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED).

Trân trọng./.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
BẢO VIỆT
 Nguyễn Đình An